

CHAPTER III. PRE-QUALIFICATION FORMS/ CHƯƠNG III. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

1. Form No.01: LETTER OF PQ APPLICATION⁽¹⁾/ Mẫu số 01: ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN⁽¹⁾

Date: ____ [insert date of signing of Letter of PQ Application]

Ngày: ____ [ghi ngày tháng năm ký đơn dự sơ tuyển]

Name of Pre-qualification documents: ____ [insert the name of PQD]

Tên HSMST: ____ [ghi tên HSMST]

To: [insert the complete and accurate name of the Procuring entity]

(hereinafter referred to as Procuring entity)

Kính gửi: [ghi tên đầy đủ và chính xác của Bên mời thầu]

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

After carefully studying the Pre-qualification Documents ____ [insert the name of Pre-qualification documents] issued by ____ [insert name of Procuring entity] dated ____ [insert the date of issuance] and revision no. ____ [insert the number of the revision(s) (if any)] dated ____ [insert the date of revision issuance], we, ____ [insert the Bidder's name], pledge ourselves to participate in pre-qualification in accordance with PQD ____ [insert the name of Pre-qualification documents].

Sau khi nghiên cứu kỹ HSMST ____ [ghi tên của HSMST] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày ban hành] và văn bản sửa đổi số ____ [ghi số văn bản sửa đổi (nếu có)] ngày ____ [ngày ban hành văn bản sửa đổi], chúng tôi, ____ [ghi tên Nhà thầu], cam kết tham gia dự sơ tuyển theo đúng yêu cầu của HSMST ____ [ghi tên của HSMST].

The duration of Framework Agreement is: [...].

Thời hạn hiệu lực của Thỏa thuận khung là: [...].

We are ready to provide Procuring entity with any other necessary supplemental information and clarifications upon Procuring entity's request.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời thầu có yêu cầu.

We hereby declare that:

Chúng tôi xin cam đoan rằng:

1. We only participate in this PQ Application as primary Bidder.

Chúng tôi chỉ tham gia trong một HSDST này với tư cách là Nhà thầu chính.

2. We are not in the process of dissolution or have our business registration revoked or are not in the state of insolvency under the law of bankruptcy.

Chúng tôi không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. We are not in the list of the Bidders that are not allowed to participate in the supplier selection process of Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited, of the Procuring entity and its subsidiaries.

Chúng tôi đang không có tên trong danh sách các nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, của Bên mời thầu và các đơn vị trực thuộc của Bên mời thầu.

4. We are not involved in corrupt, fraudulent, or conclusive practices and other violations against the laws on bidding.

Chúng tôi không thực hiện các hành vi liên quan đến tham nhũng, hối lộ hoặc thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đấu thầu.

5. Every information provided herein is truthful.

Mọi thông tin được kê khai trong HSDST là trung thực.

If our Pre-qualification Application is qualified, we shall participate in the negotiation, signing of Framework Agreement and participate in the bidder selection process later-on according to the plan of the Procuring entity.

Nếu HSDST của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ tham gia đàm phán, ký Thỏa thuận khung và tham gia vào quy trình lựa chọn Nhà thầu theo kế hoạch của Bên mời thầu.

This Pre-qualification Application takes effect within ____⁽²⁾ days, from ____ [date]⁽³⁾

HSDST này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ____ [ngày/tháng/năm]⁽³⁾

Legal representative of Bidder⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu⁽⁴⁾

[full name, position, wet signature and seal (if any)]⁽⁵⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]⁽⁵⁾

Notes/Lưu ý:

(1) Bidder must provide sufficient and accurate information including names of the Procuring entity and the Bidder, name of the PQD, and the validity period of the PQ Application. PQ Application shall bear the signature and seal (if any) of the Bidder's legal representative.

Nhà thầu phải ghi đầy đủ và chính xác thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, tên HSMST, thời hạn hiệu lực của HSDST. Đơn dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Insert number of validity days. The validity period of the PQ Application is from the submission deadline of PQ Application to its expiration date as prescribed in PQD in Chapter I. Instruction to Bidders. The period of time from the submission deadline of PQ Application to 24:00 of the date of such deadline is considered one

(01) day.

Ghi số ngày hiệu lực. Thời gian có hiệu lực của HSDST được tính từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDST đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMST tại Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu. Khoảng thời gian từ thời điểm hết hạn nộp HSDST đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDST được coi là 01 ngày.

- (3) Insert the date of submission deadline of PQ Application as prescribed in Chapter I. Instruction to Bidders

Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDST theo quy định trong Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu.

- (4) If the Bidder's legal representative authorizes his/her subordinate to sign the Letter of PQ Application, a Power of Attorney (Form 02 provided in this Chapter) must be enclosed. If the company's charter or another document permits such subordinate to sign the Letter of PQ Application, a copy of such document shall be enclosed (In this case, the Power of Attorney is not required). Regarding Consortium, the Letter of PQ Application shall be signed by the legal representative of each Consortium member or the legal representative of the head member of the Consortium. Each member of the Consortium must follow the same instruction as those for single Bidder in case of authorization.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới của mình ký vào Đơn dự sơ tuyển thì phải có Giấy ủy quyền (Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tài liệu khác cho phép cấp dưới ký Đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo bản sao các văn bản này (Trong trường hợp này, không cần có Giấy ủy quyền). Trường hợp Nhà thầu là liên danh, Đơn dự sơ tuyển phải được ký bởi đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên đứng đầu liên danh. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì việc ủy quyền thực hiện như đối với Nhà thầu độc lập.

K

2. **Form No.02: POWER OF ATTORNEY⁽¹⁾ / Mẫu số 02: GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾**

Today, date _____

Hôm nay, ngày _____ tháng _____ năm _____

I am [insert name, ID/passport number, position of Bidder's legal representative/ Consortium member], the legal representative of [insert name of Bidder/Consortium member] at [insert address of Bidder/Consortium member] hereby authorizes [insert name, ID/passport number, position of authorized person] to perform the following tasks during the participation in the pre-qualification process for [insert name of the PQD] held by [insert name of the company]:

Tôi là _____ [điền tên, số CCCD/ số hộ chiếu, chức danh của đại diện theo pháp luật của Nhà thầu/thành viên liên danh], người đại diện theo pháp luật của [ghi tên Nhà thầu/thành viên liên danh] có địa chỉ tại [ghi địa chỉ của Nhà thầu/thành viên liên danh], bằng văn bản này ủy quyền cho [ghi tên, số CCCD/ số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] để thực hiện các công việc sau trong quá trình tham gia vào quá trình sơ tuyển [ghi tên của HSMST] được tổ chức bởi _____ [ghi tên của Công ty]:

- Sign the Letter of PQ Application;
Ký Đơn dự sơ tuyển;
- Sign Bid Submission Form;
Ký Đơn dự thầu;
- Sign in the Consortium Agreement (if any);
Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Sign documents during the pre-qualification process, including the request for clarification of PQD; clarification of PQ Application or withdrawal, modification or substitution of PQ Application;
Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST; làm rõ HSDST hoặc văn bản đề nghị rút HSDST, sửa đổi hoặc thay thế HSDST;
- Sign documents during the bidding process, including a written request for clarification of the BD; clarification of the Bid or withdrawal, modification, or substitution of the Bid;
Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT; làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi hoặc thay thế HSDT;
- Participate in negotiation, conclusion of Framework Agreement and Coal Sales and Purchase Contract;
Tham gia đàm phán và ký kết Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua bán than;
- Sign petition (if any);
Ký đơn kiến nghị (nếu có);

- Sign the Framework Agreement and Coal Sales and Purchase Contract with the Company if the Bidder is pre-qualified for the Shortlist and/or qualified as the Coal Supply Bidder for the specific bidding package ⁽²⁾.

Ký Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua bán than với Công ty nếu Nhà thầu được lựa chọn vào Danh sách ngắn và/hoặc được lựa chọn là Nhà thầu cung cấp than cho gói thầu cụ thể ⁽²⁾.

The authorized person only performs the tasks within the scope of authorization as a legal representative of _____ [insert name of Bidder/Consortium member]. _____ [insert name of Bidder's/Consortium member's legal representative] is totally responsible for the tasks performed by _____ [name of authorized person] within the scope of authorization.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của _____ [Ghi tên Nhà thầu/thành viên liên danh]. _____ [Ghi tên của Đại diện theo pháp luật của Nhà thầu/thành viên liên danh] hoàn toàn chịu trách nhiệm về những công việc do _____ [ghi tên của người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

The Power of Attorney is effective from _____ [insert date] to _____ [insert date]⁽³⁾ and is made into _____ originals with equal legal value. _____ originals are kept by the authorizer, and _____ originals are kept by the authorized person. Attached is one (01) original for the original PQ Application.

Giấy ủy quyền có hiệu lực từ _____ [ghi ngày] tới _____ [ghi ngày] ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ _____ bản. Người được ủy quyền giữ _____ bản. Đính kèm theo bản gốc của HSDST một (01) bản gốc.

Authorized person

Người được ủy quyền

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Authorizer

Người ủy quyền

[Full name of legal representative of the Bidder/Consortium member, position, wet signature and seal (if any)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu/thành viên liên danh, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/Lưu ý:

- (1) In case there is authorization, the original of the Power of Attorney shall be sent to the Procuring entity in conjunction with the Letter of PQ Application. The

Bidder's/Consortium member's legal representative may authorize their deputies, subordinates, directors of branches, and heads of representative offices of the Bidder to perform the above-mentioned tasks on behalf of the Bidder/Consortium member. The authorized person may use the seal of the Bidder/Consortium member or the seal of the entity of the authorized person. The authorized person cannot sub-authorize another person.

Trường hợp ủy quyền thì bản gốc của Giấy ủy quyền phải được gửi cùng với Đơn dự sơ tuyển. Đại diện theo pháp luật của Nhà thầu/thành viên liên danh có thể ủy quyền cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh và người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu/thành viên liên danh thay mặt để thực hiện các nội dung công việc nêu trên. Người được ủy quyền có thể sử dụng con dấu của Nhà thầu/thành viên liên danh hoặc con dấu đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

- (2) The scope of authorization may include one or multiple tasks above.

Phạm vi ủy quyền có thể bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

- (3) Insert the effective date and expiration date of the Power of Attorney in conformity with the pre-qualification process.

Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của Giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia dự sơ tuyển.

K

3. Form No.03: CONSORTIUM AGREEMENT⁽¹⁾/ Mẫu số 03: THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Today, date _____

Hôm nay, ngày _____ tháng _____ năm _____

Pre-qualification Documents: _____ [insert name of PQD]

Hồ sơ mời sơ tuyển: _____ [điền tên của HSMST]

In response to the PQD _____ [insert name of PQD] dated _____ [insert date in the PQD];

Căn cứ HSMST _____ [điền tên của HSMST] ngày _____ [điền ngày được ghi trong HSMST];

We, representatives of signatories to the Consortium Agreement, include:

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết thỏa thuận liên danh, bao gồm:

Name of first Consortium member: _____

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

- Represented by/ Đại diện là:
- Position/ Chức vụ:
- Address/ Địa chỉ:
- Tel/ Số điện thoại:
- Fax/ Fax:
- Email/ Email:
- Bank account/ Tài khoản ngân hàng:
- Company registration number/ Mã số thuế:

Power of Attorney No. _____ dated _____ (in case of authorization).

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ (trong trường hợp ủy quyền).

Name of second Consortium member: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

- Represented by/ Đại diện là:
- Position/ Chức vụ:
- Address/ Địa chỉ:
- Tel/ Số điện thoại:
- Fax/ Fax:
- Email/ Email:
- Bank account/ Tài khoản ngân hàng:
- Company registration number/ Mã số thuế:

Power of Attorney No. _____ dated _____ (in case of authorization).

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ (trong trường hợp ủy quyền).

The members have reached a consensus on signing a Consortium Agreement with the following contents:

Các thành viên thống nhất ký kết Thỏa thuận Liên danh với các nội dung sau:

Article 1. General rules

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Members voluntarily establish this Consortium to participate in the pre-qualification _____ [insert name of the PQD] and in the bidding process of _____ [insert name of the Procuring entity] to select the supplier of oversea-produced coal.

Các thành viên tự nguyện thành lập Liên danh này để tham gia vào quá trình sơ tuyển _____ [ghi tên của HSMST] và quá trình đấu thầu để lựa chọn nhà cung cấp than nhập khẩu của _____ [ghi tên Bên mời thầu].

2. Official name of the Consortium used in every transaction related to the pre-qualification and Bidder selection process if qualified: _____ [insert the agreed name of the Consortium].

Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến quá trình sơ tuyển và quá trình lựa chọn Nhà thầu nếu được chọn là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]

3. Every member is committed not to unilaterally participate or establish a Consortium with another member to participate in this pre-qualification process and Bidder selection process if qualified. If qualified, no member is entitled to refuse to fulfill the duties and obligations prescribed in the Framework Agreement. If awarded the Coal Sales and Purchase Contract (Contract), no member is entitled to refuse to fulfill the duties and obligations prescribed in the Contract. Any member of the Consortium that refuses to perform their duties as agreed must:

Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia quá trình sơ tuyển này và quá trình lựa chọn Nhà thầu nếu được chọn. Trường hợp trúng sơ tuyển, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong Thỏa thuận khung. Trường hợp được trao Hợp đồng mua bán than (Hợp đồng), không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng. Bất kỳ thành viên nào của Liên danh từ chối thực hiện nhiệm vụ theo thỏa thuận thì phải:

- Compensate for damages to other parties in the Consortium;
Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Compensate for damages to Company as regulated by the Contract;
Bồi thường thiệt hại cho Công ty theo quy định của Hợp đồng;

- Incur other disciplinary actions: _____ [specify the action].

Hình thức xử lý khác: _____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

4. In the process of Contract performance if the Consortium is awarded the Contract, when one or more members of Consortium fail to perform the Contract/unable to perform the Contract as assigned in the Consortium Agreement, the remaining members shall have to reassign the remaining tasks to ensure the completion of performance of the signed Contract between Bidder and Company; and the liability of the Consortium under the contract remains unchanged.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu Liên danh được trao Hợp đồng, trường hợp một hoặc nhiều thành viên của Liên danh không thực hiện Hợp đồng/không có khả năng thực hiện Hợp đồng theo Thỏa thuận Liên danh, thì các thành viên còn lại sẽ phải phân công lại các nhiệm vụ còn lại để đảm bảo hoàn thành Hợp đồng đã ký giữa Công ty và Nhà thầu, và trách nhiệm của Liên danh theo Hợp đồng là không thay đổi.

Article 2. Assignment of duties

Điều 2. Phân công trách nhiệm

All members unanimously agree to assign joint and several responsibilities to execute the packages under the scope of PQD _____ [insert name of PQD] as follows:

Tất cả các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm liên đới và riêng rẽ để thực hiện các gói thầu thuộc phạm vi HSMST _____ [điền tên của HSMST] như sau:

1. Head member of the Consortium:

Thành viên đứng đầu Liên danh:

All members unanimously authorize _____ [insert name of a member] as the head member of the Consortium who represents the Consortium to perform the following tasks:

Các thành viên nhất trí ủy quyền cho _____ [ghi tên của một bên] làm thành viên đứng đầu Liên danh, đại diện cho Liên danh để thực hiện các công việc sau:

- Sign the Letter of PQ Application;

Ký Đơn dự sơ tuyển;

- Sign Bid Submission Form;

Ký Đơn dự thầu;

- Sign documents during the Pre-Qualification process, including the request for clarification of PQD; clarification of PQ Application or withdrawal, modification or substitution of PQ Application;

Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình dự sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST; làm rõ HSDST hoặc văn bản đề nghị rút, sửa đổi hoặc thay thế HSDST.

- Sign documents during the bidding process, including a written request for clarification of the BD; clarification of the Bid or withdrawal, modification, or substitution of the Bid;

Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT; làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi hoặc thay thế HSDT;

- Participate in the negotiation of Framework Agreement;

Tham gia đàm phán Thỏa thuận khung;

- Participate in the negotiation of Contract;

Tham gia đàm phán hợp đồng;

- Sign petition (if any);

Ký đơn kiến nghị (nếu có);

- Perform other tasks other than signing of Framework Agreement and Contract (if awarded the Contract): _____ [specify other tasks (if any)]⁽²⁾.

Các công việc khác trừ việc ký kết Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua bán than (nếu được trao Hợp đồng): [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]⁽²⁾

2. Tasks of Consortium members are specified in the table below:

Các thành viên liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

No Số	Name Tên	Tasks <i>Nội dung công việc đảm nhận</i>	Proportion of total bid value ⁽³⁾ <i>Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu⁽³⁾</i>	Proportion of supplying coal quantity ⁽⁴⁾ <i>Tỷ lệ % cung cấp than⁽⁴⁾</i>
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)
1	Name of head member <i>Tên thành viên đứng đầu liên danh</i>		- % - %	- % - %
2	Name of 2nd member <i>Tên thành viên thứ hai</i>		- % - %	- % - %
Total <i>Tổng</i>		All tasks <i>Toàn bộ công việc</i>	100%	100%

Article 3. Effect of Consortium agreement

Điều 3. Hiệu lực của Thỏa thuận Liên danh

1. The Consortium agreement takes effect from the day on which it is signed.

Thỏa thuận Liên danh có hiệu lực kể từ ngày được ký kết.

2. The Consortium agreement expires in the following cases:

Thỏa thuận Liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- All members fulfill their duties and finalize the contract;

Các thành viên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và hoàn thành hợp đồng;

- The agreement is unanimously terminated by all the members;

Các thành viên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- There is a change of Consortium members. In this case, if the change of Consortium member is approved by the Procuring entity, the parties must form a new Consortium agreement. The new Consortium agreement must be signed by all Parties;

Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập Thỏa thuận Liên danh mới. Thỏa thuận Liên danh mới phải được các bên ký kết;

- The Consortium is not pre-qualified;

Liên danh không trúng sơ tuyển;

- The Consortium does not sign Framework Agreement;

Liên danh không ký kết Thỏa thuận khung;

- The Consortium is removed from shortlist;

Liên danh bị loại khỏi danh sách ngắn;

- The Pre-qualification for _____ [insert name of the PQD] is cancelled as notified by the Procuring entity;

Hủy việc sơ tuyển _____ [ghi tên của HSMST] theo thông báo của Bên mời thầu.

This Consortium Agreement is made with the consensus of all parties and made into ____ originals, each member keeps ____ original(s), attached is one (01) original for the PQ Application. All the originals have equal legal value.

Thỏa thuận liên danh này được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên và được lập thành ____ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ____ bản, nộp kèm theo HSDST 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

LEGAL REPRESENTATIVE OF HEAD MEMBER
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

LEGAL REPRESENTATIVE OF CONSORTIUM MEMBER

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Full name, position, wet signature and seal of each member (if any)]

[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/Ghi chú:

- (1) The number of members in the Consortium shall not exceed 02 members.

Số lượng thành viên trong Liên danh không quá 02 thành viên.

- The head member of Consortium shall be responsible for supplying at least 50% of the supplied coal quantity as required by the bidding packages for which Bidder is selected from this shortlist.

Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cung cấp tối thiểu 50% khối lượng than sẽ được cung cấp theo yêu cầu của gói thầu lựa chọn nhà thầu theo Danh sách ngắn này.

- The head member of Consortium must be responsible for at least 50% of the total bid value as required by the bidding packages that for which Bidder is selected from this shortlist .

Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cho ít nhất 50% tổng giá gói thầu theo yêu cầu của gói thầu lựa chọn nhà thầu theo Danh sách ngắn này.

- (2) Scope of authorization includes one or multiple tasks above. Regarding Consortium, the Letter of PQ Application/Bid Submission Form shall be signed and sealed (if any) by the legal representative of each Consortium member or signed and sealed (if any) by the head member of the Consortium.

Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc ở trên. Liên quan đến Liên danh, Đơn dự sơ tuyển/Đơn dự thầu sẽ được ký và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của mỗi thành viên của Liên danh hoặc được ký và đóng dấu (nếu có) bởi thành viên đứng đầu Liên danh.

- (3) The Bidder shall specify detailed tasks and estimate the corresponding proportion of tasks performed by each Consortium member, joint and several responsibilities of each member, including the head member.

Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính tỷ lệ tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

- (4) The Bidder shall specify detailed tasks and estimate the the corresponding proportion of tasks in supplying coal performed by Consortium members.

Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính tỷ lệ tương ứng của việc cung cấp than do các thành viên của liên danh thực hiện.

4. **Form No.04: BIDDER INFORMATION FORM/ Mẫu số 04: BẢNG KÊ
KHAI THÔNG TIN NHÀ THẦU**

**Form No.04(a): BIDDER INFORMATION FORM⁽¹⁾/ Mẫu số 04(a): BẢNG
KÊ KHAI THÔNG TIN NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Date: _____

Ngày: _____

Name and number of the pre-qualification documents: _____

Tên và số hiệu hồ sơ mời sơ tuyển: _____

Bidder's name: _____

Tên Nhà thầu: _____

Place of business registration and operation: _____ [insert province/city, country
where The Bidder registers its business or operates]

Nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: _____ [ghi tên tỉnh/thành phố, quốc
gia nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]

Year of establishment: _____

Năm thành lập công ty: _____

Bidder's legal address: _____

Địa chỉ hợp pháp của Nhà thầu: _____

Bidder's legal representative: _____

Đại diện theo pháp luật của Nhà thầu: _____

Bidder's contact information

Thông tin liên hệ của Nhà thầu

Name/Tên: _____

Address/Địa chỉ: _____

Tel/Số điện thoại: _____

Fax/Fax: _____

Email/Email: _____

1. Attached are copies of original documents of: A Certificate of Enterprise registration, Establishment Decision, or equivalent documents issued by competent agencies in the country where the Bidder registers its business or operates.

Kèm theo là bản sao một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động cấp.

2. Present the organization chart of the Bidder: [Bidder fills in information]

Trình bày sơ đồ tổ chức của Nhà thầu: [Nhà thầu điền thông tin]

Legal representative of Bidder

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/*Ghi chú:*

(1) Single Bidder shall declare information using this Form.

Nhà thầu độc lập kê khai theo mẫu này.

✕

Form No.04(b): CONSORTIUM MEMBER INFORMATION FORM⁽¹⁾
Mẫu số 04(b): BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH ⁽¹⁾

Date: _____

Ngày: _____

Name and number of the Pre-qualification documents: _____

Tên và số hiệu hồ sơ mời sơ tuyển: _____

Consortium name: _____ Tên Nhà thầu liên danh: _____
Consortium's contact information: Thông tin liên hệ của Nhà thầu liên danh Name/Tên: _____ Address/Địa chỉ: _____ Tel/Số điện thoại: _____ Fax/Fax: _____ Email/Email: _____
Consortium member name: _____ Tên thành viên của Nhà thầu liên danh: _____
Place of business registration and operation of Consortium member: _____ [insert province/city, country where Consortium member registers its business or operates] Nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động của thành viên liên danh: _____ [ghi tên tỉnh/thành phố, quốc gia nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]
Year of Establishment of Consortium member: _____ Năm thành lập công ty của thành viên liên danh: _____
Legal Address of Consortium member: _____ Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh: _____
Consortium member's legal representative: _____ Đại diện theo pháp luật của thành viên liên danh: _____

Consortium member's contact information:

Thông tin liên hệ của thành viên liên danh

Name/Tên: _____

Address/ Địa chỉ: _____

Tel/Số điện thoại: _____

Fax/Fax: _____

Email/ Email: _____

1. Attached are copies of original documents of: Certificate of Enterprise registration, Establishment Decision, or equivalent documents issued by competent agencies in the country where the Consortium member registers its business or operates.

Kèm theo là bản sao một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động cấp.

2. Present the organization chart of the Consortium member: [fill in information]

Trình bày sơ đồ tổ chức của thành viên liên danh: [điền thông tin]

Legal representative of Consortium Member

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/Ghi chú:

- (1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

X

5. **Form No.05: HISTORY OF UNFINISHED CONTRACTS DUE TO THE FAULT OF THE BIDDER⁽¹⁾/ Mẫu số 05: HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ DO LỖI CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Bidder's/Consortium's name: _____

Tên Nhà thầu/Tên Nhà thầu liên danh: _____

Date: _____

Ngày: _____

Name of consortium members (if any): _____

Tên thành viên của Nhà thầu Liên danh (nếu có): _____

Unfinished contracts due to the fault of the Bidder as prescribed in Section 3 Chapter II – Evaluation Criteria.

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ được quy định trong Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

☐ The Bidder has no concluded goods supply contract without execution due to the fault of the Bidder from January 01st [...] to the submission deadline of PQ Application prescribed in criterion 01 in the Evaluation Table of qualification and experience in Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II – Evaluation Criteria.

Không có hợp đồng cung cấp hàng hoá nào đã ký nhưng không thực hiện do lỗi của Nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm [...] đến thời điểm hết hạn nộp HSDST, được quy định trong tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm tại Mục 3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

☐ The Bidder has concluded goods supply contract(s) without execution due to the fault of the Bidder from January 01st [...] to the submission deadline of PQ Application, prescribed in criterion 1 in the Evaluation Table of qualification and experience in Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II – Evaluation Criteria.

Có hợp đồng cung cấp hàng hoá đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm [...] đến thời điểm hết hạn nộp HSDST, quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm tại Mục 3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

Year Năm	Unfinished tasks in the contract due to the fault of the Bidder <i>Phần việc hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu</i>	Description of contract <i>Mô tả hợp đồng</i>	Total value of contract (current value, currency unit, exchange rate ⁽²⁾ , equivalent value in USD) <i>Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái⁽²⁾, giá trị tương đương bằng USD)</i>
		Description of contract/ <i>Mô tả hợp đồng</i> : _____ Name of Purchaser/ <i>Tên bên mua</i> : _____ Address/ <i>Địa chỉ</i> : _____ Reasons for unfinished contract/ <i>Nguyên nhân không hoàn thành Hợp đồng</i> : _____	

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/ Ghi chú:

- (1) The Bidder must declare accurately and truthfully the history of unfinished goods supply contracts due to the fault of the Bidder; any unfinished goods supply contract being not declared shall be considered “fraudulent” and lead to the disqualification of PQ Application.

Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hoá không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ; trường hợp nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ Nhà thầu nào có hợp đồng cung cấp hàng hoá không hoàn thành trong quá khứ mà không được kê khai thì sẽ bị coi là hành vi “gian lận” và sẽ bị loại.

Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu Liên danh phải kê khai thông tin theo Mẫu này.

- (2) If the currency of the contract is not USD, Bidder shall convert total value of contract into USD using the exchange rate on the contract signing date announced by the State Bank or any commercial bank in the country where Bidder's business is registered (exchange rate must be clearly stated).

Nếu đơn vị tiền tệ trong hợp đồng không phải là USD thì nhà thầu cần quy đổi tổng giá trị hợp đồng sang USD và sử dụng tỷ giá do Ngân hàng nhà nước hoặc một ngân hàng thương mại bất kỳ tại quốc gia nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh công bố vào ngày ký hợp đồng (cần ghi rõ tỷ giá quy đổi).

6. Form No.06: FINANCIAL SITUATION OF BIDDER⁽¹⁾/ Mẫu số 06: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Bidder's/Consortium's name: _____

Tên Nhà thầu/Tên Nhà thầu liên danh: _____

Date: _____

Ngày: _____

Name of Consortium member (if any): _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh (nếu có): _____

The fiscal year of the Bidder is from [...]to [...] (date and month) Năm tài chính của Nhà thầu từ ngày [...] tháng [...] đến ngày [...] tháng [...]			
Financial figures in the years [...] ⁽²⁾ Số liệu tài chính trong các năm [...] ⁽²⁾			
	First year: Năm 1:	Second year: Năm 2:	Third year: Năm 3:
Total Assets Tổng tài sản			
Total Liabilities Tổng Nợ phải trả			
Net asset value Giá trị tài sản ròng			
Total Revenue from production and business activities Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			

Average annual revenue from production and business activities ⁽³⁾ <i>Doanh thu trung bình hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh⁽³⁾</i>			
Pre-tax profits <i>Lợi nhuận trước thuế</i>			
Post-tax profits <i>Lợi nhuận sau thuế</i>			

Enclosed are copies of financial statements (the Balance sheets including relevant notes (if any) and income statement) in the years [...]⁽⁴⁾, which satisfy the following conditions:

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan (nếu có), và các báo cáo kết quả kinh doanh) trong các năm [...]⁽⁴⁾, đáp ứng các điều kiện sau:

- The financial statement only includes financial situation of the Bidder or Consortium members (regarding Consortium) but not of an associate entity such as the parent company, subsidiary companies, or associate companies with the Bidder or Consortium members.
Báo cáo tài chính chỉ bao gồm tình hình tài chính của Nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là Nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với Nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
- Financial statements must be audited as prescribed (audited report of financial statements is available).
Các báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định (có báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính).
- Financial statements must be complete and adequate as prescribed.
Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh và đầy đủ nội dung theo quy định.

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Notes/Ghi chú:

- (1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trường hợp Nhà thầu liên danh, từng thành viên Liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

- (2), (4) The period of time above is the same as the period of time prescribed in Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II – Evaluation Criteria.

Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống với khoảng thời gian được quy định trong Mục 3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

- (3) Average Annual Revenue from production and business activities shall be determined by dividing total revenues for all the years from production and business activities by the number of years.

Doanh thu trung bình hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ được xác định bằng cách chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

- Total revenue from production and business activities is calculated as the total revenue from production and business activities in the financial statement of that year (excluding VAT).

Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được tính bằng tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

- Average Annual Revenue from production and business activities (excluding VAT) = Total revenues for all the years from production and business activities (excluding VAT) as required by this PQD divided by the number of years

Doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMST/số năm.

- In case the newly established Bidder does not meet the number of years required by the PQD, the Average Annual Revenue (excluding VAT) is calculated on the basis of the number of years for which Bidder has financial data.

Trường hợp Nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMST thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà Nhà thầu có số liệu tài chính.

- In case the financial statements of the closest year prior to the submission deadline of PQ Application is not available, the Average Annual Revenue (excluding VAT)

shall be calculated on the basis of the remaining years in which the Bidder has financial statements. When the financial statements of the closest year prior to the submission deadline of PQ Application is available, Bidder shall send it to the Procuring entity as prescribed in Section 5.26. Change in eligibility, qualification and experience of Bidders

Trường hợp báo cáo tài chính năm gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDST của Nhà thầu chưa khả dụng thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở các năm còn lại mà Nhà thầu có báo cáo tài chính. Khi báo cáo tài chính năm gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDST của Nhà thầu khả dụng, nhà thầu phải gửi cho Bên mời thầu theo quy định tại tiểu mục 5.26. Thay đổi Tư cách hợp lệ, Năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

7. Form No.07: EXPERIENCE OF BIDDER/ Mẫu số 07: KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

Form No.07(a): EXPERIENCE IN PERFORMING SIMILAR CONTRACTS⁽¹⁾/ Mẫu số 07(a): KINH NGHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

(Applicable to the Bidder that is not a producer of goods in the PQD and packages)

(Đối với Nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu)

The Bidder and/or each consortium member fill up the detail from January 1st [...] ⁽²⁾ to the submission deadline of PQ Application as requested in the table below

Nhà thầu và/hoặc mỗi thành viên liên danh điền thông tin chi tiết từ ngày 01 tháng 01 năm [...] ⁽²⁾ đến thời điểm hết hạn nộp HSDST theo yêu cầu của bảng dưới đây

No Số	Contract number Số hợp đồng	Bill of Lading No. or equivalent documents that prove the transportation booking or self transportation (if any) Số vận tải đơn hoặc tài liệu tương đương để chứng minh việc thuê vận chuyển/tự vận chuyển (nếu có)	Name of marine vessel (if goods are transported by sea) Tên tàu vận chuyển (trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển)	Certificate of Origin No. Số chứng thư xuất xứ	Certificate of analysis No. Số chứng thư chất lượng	Pro forma invoice No. (if any) Số hóa đơn tạm tính (nếu có)	Commercial invoice No. Số hóa đơn thương mại	Customer's name Tên khách hàng	Quantity (Metric Ton) Khối lượng (tấn)	Value (USD) Giá trị (USD)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)
1										
2										

...										
-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Note/Ghi chú:

(1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

* Similar Contract shall:

Hợp đồng tương tự cần thỏa mãn:

- Be a contract for the supply of goods that meet either of these two criteria: (i) be coal (whether or not pulverised, but not agglomerated, including: anthracite, bituminous coal (coking coal, other), other coal) or briquettes, ovoids and similar solid fuels manufactured from coal; (ii) have the same Chapter code and Group code (corresponding to the first 4 digits of the code) in the HS (HS - Harmonized Commodity Description and Coding System) according to the Goods Classification System issued by the World Customs Organization WCO (collectively referred to as HS code). The goods of this PQD and the bidding packages are goods with HS code with the first 4 digits being 2701).

Là hợp đồng cung cấp hàng hóa đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: (i) là các chủng loại than đá (đã hoặc chưa nghiền thành bột nhưng chưa đóng bánh, bao gồm: than anthracite, than bi-tum (than để luyện cốc, than khác), than đá loại khác), than bánh, than quả bàng và nhiên

liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá; (ii) có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Đối với hàng hóa của HSMST này và các gói thầu là hàng hóa có mã HS với 4 số đầu tương ứng là 2701).

- Be a type of coal import and export contract in which the Bidder is the Seller of goods and the goods (coal) are exported from one country to another country for delivery to the Buyer of the contract (excluding sales contracts where goods are traded within the territory of a country).

Là loại hợp đồng xuất nhập khẩu than trong đó Nhà thầu là Người bán hàng và hàng hóa (than) được xuất khẩu từ một quốc gia này sang quốc gia khác để giao cho Người mua của hợp đồng (không bao gồm các hợp đồng mua bán mà hàng hóa được mua bán trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia).

- * The Bidder must submit copy of following documents to prove Bidder's coal supply experience:

Nhà thầu phải nộp bản sao các tài liệu sau đây để chứng minh kinh nghiệm cung cấp than của Nhà thầu:

- (i) Coal import and export contract, which shows the Bidder as the Seller;

Hợp đồng xuất nhập khẩu than, trong đó thể hiện Nhà thầu là Người bán;

- (ii) Bill of Lading or equivalent documents that prove the transportation booking or self transportation (if terms of delivery show that the Seller is the charterer/transporter);

Vận tải đơn hoặc tài liệu tương đương chứng minh việc thuê vận chuyển/tự vận chuyển (nếu điều khoản giao hàng thể hiện Người bán là người thuê vận chuyển);

- (iii) Certificate of Origin of the shipment;

Chứng thư xuất xứ của lô hàng;

- (iv) Certificate of analysis of the shipments;

Chứng thư chất lượng của lô hàng;

(v) Commercial invoice;

Hóa đơn thương mại;

(vi) Pro forma invoice (if any);

Hóa đơn tạm tính (nếu có).

(2) Insert the period as prescribed in Section 3. Requirements on qualification and experience of the Bidder in Chapter II – Evaluation Criteria.

Nhà thầu điền khoảng thời gian phù hợp với khoảng thời gian được quy định trong Mục 3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.

Form No.07(b): DECLARATION OF PRODUCTION CAPACITY OF SIMILAR GOODS⁽¹⁾/ Mẫu số 07(b): KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

(Applicable to the Bidder that is a producer of goods in the PQD and the packages)

(Đối với Nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu)

Bidder's/Consortium's name: _____ [insert the full name of the Bidder]

Tên Nhà thầu/Tên Nhà thầu liên danh: _____ [ghi tên đầy đủ của Nhà thầu].

Name of Consortium member (if any): _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Number of mines, mining facilities (collectively referred to as mines): _____ [Insert number of mines]

Số lượng mỏ, cơ sở khai thác (gọi chung là mỏ): _____ [Điền số lượng mỏ]

For each mines, the Bidder shall declare the following information:

Đối với mỗi mỏ, Nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Mine's name/Tên mỏ:	[insert mine's name] [Ghi tên mỏ]
Address/Địa chỉ:	[insert mine's address] [Ghi địa chỉ mỏ]
Permitted mining time/Thời hạn được phép khai thác	[insert permitted mining time] [Ghi thời hạn được phép khai thác]
Mine reserves (metric tons)/Trữ lượng mỏ (tấn)	[insert Mine reserves] [Ghi trữ lượng mỏ]
Remaining reserves of the mine (metric tons)/Trữ lượng còn lại của mỏ (tấn)	[insert remaining reserves of the mine] [Ghi trữ lượng còn lại của mỏ]
Design capacity of the mining and production line (metric tons/month) ⁽²⁾ / Công suất thiết kế của dây chuyền	[Insert design capacity of the mining and production line] [Ghi công suất thiết kế của dây chuyền khai thác và sản xuất]

<i>khai thác và sản xuất (tấn/tháng) ⁽²⁾</i>	
Highest mining output of a month in 05 closest years prior to the submission deadline of PQ Application (metric tons) ⁽³⁾ / <i>Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm hết hạn nộp HSDST (tấn)⁽³⁾</i>	<p>- _____ [Insert month and year]: _____ [Insert the mining output of that month]</p> <p>- _____ [<i>Ghi tháng, năm</i>]: _____ [<i>Ghi sản lượng sản xuất của tháng đó</i>]</p>
Types of coal of mines and HS code (if HS code is determined)/ <i>Chủng loại than của mỏ và mã HS tương ứng (nếu xác định được mã HS):</i>	<p>[insert types of coal type and coal specifications, including but not limited to: Net calorific value (as received basis), Ash content (air dried basis), Volatile matter (air dried basis), Sulfur (air dried basis),... and HS code corresponding to each types of coal]</p> <p><i>[Ghi các chủng loại than và các thông số kỹ thuật của than, bao gồm nhưng không giới hạn: Nhiệt năng tịnh (cơ sở nhận), Hàm lượng tro (cơ sở khí khô), Chất bốc (cơ sở khí khô), Lưu huỳnh (cơ sở khí khô),... và mã HS tương ứng với từng chủng loại]</i></p>

Legal representative of Bidder

[Full name, position, wet signature and seal (if any)]

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Note/ *Ghi chú:*

- (1) Regarding Consortium, each Consortium member shall declare information using this Form.

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

- * Goods similar in nature to goods in this PQD and the bidding packages: Goods that meet either of these two criteria: (i) be coal (whether or not pulverised, but not

agglomerated, including: anthracite, bituminous coal (coking coal, other), other coal) or briquettes, ovoids and similar solid fuels manufactured from coal; (ii) have HS code with first 4 digits being 2701.

Hàng hóa tương tự về tính chất với hàng hóa thuộc HSMST này và các gói thầu: Là hàng hóa đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: (i) là các chủng loại than đá (đã hoặc chưa nghiền thành bột nhưng chưa đóng bánh, bao gồm: than anthracite, than bitum (than để luyện cốc, than khác), than đá loại khác), than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá; (ii) có mã HS với 4 số đầu tương ứng là 2701.

- * The Bidder must submit following documents to prove the Bidder's coal production capacity:

Nhà thầu phải nộp các tài liệu sau đây để chứng minh năng lực sản xuất:

- Copies of documents proving the Bidder's ownership/mining rights.

Bản sao tài liệu chứng minh quyền sở hữu/quyền khai thác mỏ của Nhà thầu.

- Copies of documents proving "The design capacity of the mining and production line" or "The highest mining output of a month in 05 closest years prior to the submission deadline of PQ Application": Bidder can use documents such as invoices, inventory list, etc. to prove mining output in a month; or use documents proving the design capacity of the mining and production line to prove the design capacity.

Bản sao tài liệu chứng minh "Công suất thiết kế của dây chuyền khai thác và sản xuất" hoặc "Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm hết hạn nộp HSDST": Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hoá đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho, ... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong một tháng; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của dây chuyền khai thác và sản xuất để chứng minh công suất thiết kế.

- (2), (3) Bidder can declare either or both of these two criteria and submit documents in accordance with your option(s).

Nhà thầu có thể chọn kê khai một trong hai hoặc cả hai mục này và nộp tài liệu phù hợp với (các) mục đã chọn.

✓

CHAPTER IV. FRAMEWORK AGREEMENT/ CHƯƠNG IV. THỎA THUẬN KHUNG

This Chapter sets out major provisions of Framework Agreement and includes forms that are integral parts of Framework Agreement and Coal Sales and Purchase Contract

Chương này đưa ra các điều khoản chính của Thỏa thuận khung và bao gồm các biểu mẫu như một phần không thể tách rời của Thỏa thuận khung và Hợp đồng.

Form No.08. Notification of conclusion of Framework Agreement

Mẫu số 08. Thông báo ký kết Thỏa thuận khung

(For approved Shortlisted Bidder after the PQ process)

(Dành cho các Nhà thầu được chấp thuận vào Danh sách ngắn sau quá trình sơ tuyển)

Form No.09. Draft Framework Agreement

Mẫu số 09. Dự thảo Thỏa thuận khung

X

1. Form No.08: NOTIFICATION OF CONCLUSION OF FRAMEWORK AGREEMENT/ Mẫu số 08: THÔNG BÁO KÝ KẾT THỎA THUẬN KHUNG

[Location] _____, [date] _____

[Địa điểm] _____, [ngày] _____

To: [Name and address of shortlisted Bidder]

Kính gửi: [Tên và địa chỉ của Nhà thầu được lựa chọn vào Danh sách ngắn]

Re: Notification of conclusion of Framework Agreement

Về việc: Thông báo ký kết Thỏa thuận khung

Pursuant to Decision No. _____ dated _____ of [insert name of Company], (hereinafter referred to as "Company" or "Purchaser") regarding the approval of Pre-qualification result for Pre-Qualification Documents _____ [insert name of PQD], this is to notify you that your PQ Application has been approved to conclude a Framework Agreement.

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ của Công ty [điền tên Công ty], (sau đây gọi là "Công ty" hoặc "Bên mua") về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển Danh sách ngắn cho HSMST _____ [điền tên HSMST], chúng tôi thông báo với Nhà thầu rằng HSDST của Nhà thầu đã được chấp thuận để ký kết Thỏa thuận khung.

We hereby request the legal representative of the Bidder to complete and sign the Framework Agreement with the Purchaser according to the following plan:

Yêu cầu đại diện hợp pháp của Nhà thầu hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Bên mua theo kế hoạch sau:

Time for completion and signing in the Framework Agreement: _____, in/at _____; enclosed with the Draft Framework Agreement.

Thời gian hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung: _____, tại _____; đính kèm Dự thảo Thỏa thuận khung.

Signing via fax or email (scanned copy) is acceptable. However, the originals need to be fully wet signed afterwards.

Việc ký kết qua máy fax hoặc email (bản scan) được chấp nhận. Tuy nhiên bản gốc cần được ký tươi đầy đủ sau đó.

This Notification is an integral part of the Framework Agreement. Upon the receipt of this Notification, the Bidder must send us a Notification of Acceptance of Framework Agreement Conclusion at the current capability of the Bidder. The Procuring entity shall reject to finalize and to sign the Framework Agreement with the Bidder if at the time of signing the Framework Agreement, the Bidder fails to satisfy the requirements of the PQD.

Thông báo này là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận khung. Ngay khi nhận được thông báo này, Nhà thầu cần gửi một văn bản thông báo đồng ý ký kết Thỏa thuận khung theo khả năng hiện tại của Nhà thầu. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện và ký kết

Thỏa thuận khung với Nhà thầu nếu tại thời điểm ký kết thỏa thuận khung, khả năng của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của HSMST.

After the expiration of the above-mentioned time limit, if the Bidder fails or refuses to finalize and sign the Framework Agreement in conformity with the above requirements, the Bidder shall be removed from the Company's shortlist.

Quá thời hạn trên đây, Nhà thầu không hoặc từ chối hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung tuân theo yêu cầu trên, Nhà thầu sẽ bị gạch tên khỏi Danh sách ngắn.

Legal representative of the Purchaser

[Full name, position, wet signature and seal]

Đại diện hợp pháp của Bên mua

[Họ tên đầy đủ, chức vụ, chữ ký và đóng dấu]

Attachment: Draft Framework Agreement

Đính kèm: Dự thảo Thỏa thuận khung.

✓

2. **Form No 09: DRAFT FRAMEWORK AGREEMENT/ Mẫu số 09: DỰ THẢO THỎA THUẬN KHUNG**

FRAMEWORK AGREEMENT

THỎA THUẬN KHUNG

No. _____

Số: _____

Date: _____

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____

We, Parties to this Framework Agreement:

Chúng tôi, các Bên tham gia Thỏa thuận khung này gồm:

The Purchaser/Bên Mua: _____

Address/Địa chỉ: _____

Phone/Điện thoại: _____

Fax/Fax: _____

Email/Email: _____

Represented by/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

Power of Attorney/Giấy ủy quyền số: _____

The Seller/Bên Bán: _____

Address /Địa chỉ: _____

Phone /Điện thoại: _____

Fax/Fax: _____

Email/Email: _____

Represented by/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

Power of Attorney/Giấy ủy quyền số: _____

The Purchaser and the Seller hereinafter are referred to individually as a “Party” and collectively as the “Parties”.

Bên Mua và Bên Bán sau đây được gọi riêng là một “Bên” và gọi chung là “các Bên”.

The Parties mutually agree to sign the Framework Agreement with terms and conditions as follows:

Hai bên đồng ý ký kết Thỏa thuận khung với các điều khoản và điều kiện sau đây:

PART I

GENERAL TERMS
PHẦN I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. This Framework Agreement is signed with successful Bidder through the Purchaser's pre-qualification process.

Thỏa thuận khung này được ký với Nhà thầu trúng sơ tuyển thông qua quy trình sơ tuyển của Bên Mua.

2. This Framework Agreement is subject to the provisions described in the Part II below and any amendments (if any).

Thỏa thuận khung này tuân theo các điều khoản được quy định trong Phần II dưới đây và mọi sửa đổi (nếu có).

3. This Framework Agreement allows the Seller to submit Bids to supply coal to the Purchaser during the duration of the Framework Agreement, as and when the Purchaser wishes to purchase, through a Coal Sales and Purchase Contract. For clarity, the signing of the Framework Agreement will not create any obligation to purchase coal from the Purchaser.

Thỏa thuận khung này ký kết nhằm cho phép việc chào thầu thường xuyên của Bên Bán để cung cấp than cho Bên Mua trong Thời hạn của Thỏa thuận khung, khi Bên Mua có nhu cầu mua than thông qua Hợp đồng mua bán than. Để làm rõ, Thỏa thuận khung này không hình thành bất kỳ nghĩa vụ mua than nào từ Bên Mua.

4. In case there is any content not specified in detail in the Framework Agreement, it will be applied according to the provisions of the Pre-Qualification Documents, Bidding Documents and regulations of the Purchaser from time to time.

Trường hợp có nội dung nào chưa được quy định chi tiết trong Thỏa thuận khung thì sẽ được áp dụng theo quy định tại Hồ sơ mời sơ tuyển, Hồ sơ mời thầu và quy định của Bên Mua tại từng thời điểm.

PART II
SPECIFIC TERMS
PHẦN II
ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

Article 1. Definitions

Điều 1. Định nghĩa

The following words and expressions shall have the meanings hereby:

Các từ và cụm từ sẽ có nghĩa như sau:

1. "Working Day" is an official working day of the Purchaser. It excludes Saturday, Sunday, and the Purchaser's official public holidays.

“Ngày làm việc” là ngày làm việc chính thức của Bên Mua, không bao gồm Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ chính thức của Bên Mua.

2. “Day” means calendar day.

“Ngày” là ngày lịch.

3. “Contract Price” is the price payable to the Seller as specified in the Coal Sales and Purchase Contract, subject to such additions and adjustments thereto or deductions therefrom (if any), as may be made pursuant to the Contract.

“Giá trị hợp đồng” là giá trị phải trả cho Bên Bán được quy định trong Hợp đồng mua bán than, tùy thuộc vào các bổ sung và điều chỉnh hoặc các khoản khấu trừ (nếu có) theo Hợp đồng.

4. “Goods” means Coal that the Seller supplies to the Purchaser under a Coal Sales and Purchase Contract. Where appropriate, the definition of Goods includes related services as the case may be.

“Hàng hóa” là than mà Bên Bán cung cấp cho Bên Mua theo Hợp đồng mua bán than. Ý nghĩa của từ hàng hóa bao gồm các dịch vụ liên quan theo từng trường hợp.

5. “In Writing” means communicated or recorded in the form of a document, printed or written on paper, signed by legal representative(s), stamped (if applicable) and delivered via: courier and/or e-mail/fax.

“Bằng văn bản” nghĩa là được truyền đạt và ghi lại dưới dạng tài liệu, được in hoặc viết trên giấy, được ký bởi (các) đại diện hợp pháp, đóng dấu (nếu có) và được gửi đi bằng: chuyển phát qua đường bưu điện và/hoặc e-mail/fax.

6. “The Purchaser” is Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company.

“Bên Mua” là Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

7. “The Seller” means the person, organization or government entity, who has signed a Framework Agreement to participate in the process of Bidder selection from the shortlist, to provide related goods and services (if any) to the Purchaser upon request.

“Bên Bán” là các cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan Chính phủ đã ký kết Thỏa thuận khung để tham gia vào quy trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo Danh sách ngắn cung cấp hàng hóa, các dịch vụ liên quan (nếu có) cho Bên Mua khi được yêu cầu.

8. “Purchaser’s Country” is Vietnam.

“Quốc gia của Bên Mua” là Việt Nam.

9. “Bidder selection from the Shortlist” is the method of Purchaser to select a Seller and award a Coal Sales and Purchase Contract under this Framework Agreement.

“Quy trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo Danh sách ngắn” là phương pháp Bên Mua sử dụng để lựa chọn Bên Bán và trao Hợp đồng mua bán than theo Thỏa thuận khung.

Article 2. Framework Agreement Documents

Điều 2. Hồ sơ Thỏa thuận khung

1. This Framework Agreement shall be read as a whole. Where a document is incorporated by reference into this Framework Agreement, it shall be deemed to form, and be read and construed, as a part of this Framework Agreement.

Thỏa thuận khung này sẽ được đọc một cách tổng thể. Khi một văn bản được tham chiếu đến Thỏa thuận khung này, văn bản đó sẽ được coi là hình thành, được đọc và hiểu là một phần của Thỏa thuận khung.

2. This Framework Agreement comprises the following documents:

Thỏa thuận khung này bao gồm những hồ sơ sau:

(a) Framework Agreement (including its articles),

Thỏa thuận khung (bao gồm các điều khoản của Thỏa thuận khung),

(b) Notification of Conclusion of Framework Agreement, and

Thông báo ký kết Thỏa thuận khung, và

(c) Letter of PQ Application (from Pre-qualification process) of The Seller.

Đơn dự sơ tuyển (từ quy trình sơ tuyển) của Bên Bán.

Article 3. Seller's rights and obligations

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên Bán

1. The Seller shall offer to supply Goods to the Purchaser, including any related services as specifically required in the Bidding Documents and Coal Sales and Purchase Contract, in accordance with the terms and conditions stipulated in this Framework Agreement.

Bên Bán được đề nghị cung cấp Hàng hóa đến Bên Mua, bao gồm mọi dịch vụ liên quan theo yêu cầu cụ thể tại HSMT và Hợp đồng mua bán than, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Thỏa thuận khung này.

2. During the duration of Framework Agreement, Seller shall maintain its eligibility, qualifications, and experience specified in the pre-qualification process. The Seller shall notify the Purchaser immediately, in writing, if it no longer meet the requirements for eligibility, qualifications, and experience. Within 03 (three) working days from the date of any change in the eligibility, qualifications, and experience of the Seller, the Seller must notify the Purchaser for Purchaser's evaluation. If this change does not meet Purchaser's requirements and is not approved by Purchaser, Seller will not be included in the bidder selection process, and Purchaser will terminate the Framework Agreement and remove Seller from the Shortlist.

Trong thời hạn Thỏa thuận khung, Bên Bán duy trì đủ tư cách hợp lệ và năng lực, kinh nghiệm được quy định trong quy trình sơ tuyển. Bên Bán phải thông báo ngay lập tức cho Bên Mua bằng văn bản, nếu Bên Bán không đủ năng lực, kinh nghiệm hoặc tư cách hợp lệ. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của Bên Bán, Bên Bán phải thông báo cho Bên Mua để Bên Mua đánh giá. Nếu thay đổi này không đáp ứng tiêu chuẩn của Bên Mua và không được Bên Mua chấp thuận, Bên Bán sẽ không được tham gia dự thầu, đồng thời Bên Mua sẽ chấm dứt Thỏa thuận khung và loại Bên Bán ra khỏi Danh sách ngắn.

3. The Seller undertakes to supply the Goods under a Coal Sales and Purchase Contract. The Goods supplied shall be:

Bên Bán sẽ tiến hành cung cấp Hàng hóa theo Hợp đồng mua bán than. Hàng hóa được cung cấp phải:

(a) Of right quality, right type of coal and in accordance with other provisions in the Coal Sales and Purchase Contract.

Đúng chất lượng, chủng loại và các quy định khác trong Hợp đồng mua bán than.

(b) At the Contract Price specified in the Coal Sales and Purchase Contract.

Theo giá trị hợp đồng được quy định tại Hợp đồng mua bán than.

(c) In such quantities, delivery time and place of delivery as specified in the Coal Sales and Purchase Contract.

Với khối lượng, thời gian giao hàng và địa điểm giao hàng theo quy định trong Hợp đồng mua bán than.

Article 4. Continued Qualification and Eligibility

Điều 4. Duy trì năng lực và tư cách hợp lệ

During the duration of Framework Agreement, the Purchaser may require evidence of the Seller's continued qualification and eligibility. If Seller fails to provide such evidence as requested, the Seller shall be evaluated as disqualified in accordance with the process of Bidder selection from the Shortlist, and/or not awarded Coal Sales and Purchase Contract, and/or terminated of the Framework Agreement and removed from the Shortlist.

Trong thời hạn Thỏa thuận khung, Bên Mua có thể yêu cầu Bên Bán tiếp tục chứng minh việc duy trì năng lực và tư cách hợp lệ của mình. Nếu Bên Bán không cung cấp được bằng chứng theo yêu cầu thì Bên Bán sẽ bị đánh giá là không đáp ứng theo quy trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo Danh sách ngắn, và/hoặc không được trao Hợp đồng mua bán than, và/hoặc chấm dứt Thỏa thuận khung và loại ra khỏi Danh sách ngắn.

Article 5. Duration of Framework Agreement

Điều 5. Thời hạn hiệu lực của thỏa thuận khung

1. This Framework Agreement shall be valid from [...] to the end of [...], unless terminated earlier in accordance with the provisions of this Framework Agreement.

Thỏa thuận khung này có hiệu lực kể từ [...] đến hết ngày [...], trừ khi chấm dứt sớm hơn theo điều khoản của Thỏa thuận khung.

2. On the actual conditions, the duration of Framework Agreement may be extended, at the Purchaser's sole discretion. To extend the duration of Framework Agreement, the Purchaser shall notify the Seller and both Parties shall sign a Framework extension appendix prior to the date on which the Framework Agreement would otherwise have expired. The total extension period shall be no longer than a total of six (06) months.

Tùy theo điều kiện thực tế, thời hạn của Thỏa thuận khung có thể được gia hạn theo quyết định độc lập của Bên Mua. Để gia hạn thời hạn, Bên Mua phải thông báo cho Bên Bán và hai bên phải tiến hành ký kết phụ lục gia hạn Thỏa thuận khung trước ngày hết hạn của Thỏa thuận khung. Tổng thời hạn gia hạn của Thỏa thuận khung không vượt quá 06 tháng.

Article 6. Contract price

Điều 6. Giá trị hợp đồng

The Contract Price for each Coal Sales and Purchase Contract shall be determined as specified in the Coal Sales and Purchase Contract.

Giá trị hợp đồng đối với mỗi Hợp đồng mua bán than sẽ được xác định tại từng Hợp đồng mua bán than.

Article 7. Performance Security

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

The Purchaser may require a Performance Security from the Seller in relation to the performance of a specific Coal Sales and Purchase Contract. In this event, the Seller shall comply with the relevant provisions relating to Performance Security for the Coal Sales and Purchase Contract as stipulated in the Bidding Documents of the corresponding bidding packages.

Bên Mua có thể yêu cầu Bên Bán cung cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho từng Hợp đồng mua bán than cụ thể. Trong trường hợp này, Bên Bán phải tuân theo các điều khoản liên quan đến Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Hợp đồng mua bán than theo quy định tại HSMT của gói thầu tương ứng.

Article 8. Language

Điều 8. Ngôn ngữ

1. This Framework Agreement, and any Coal Sales and Purchase Contract, as well as all correspondence and documents relating to this Framework Agreement and any Coal Sales and Purchase Contract, exchanged and signed by the Purchaser and Seller, shall be written in English or bilingual in English and Vietnamese (for documents that are bilingual in English and Vietnamese, if there are discrepancies between English and Vietnamese versions, the English versions shall prevail). Supporting documents and printed literature that are part of this Framework Agreement and any Coal Sales and Purchase Contract, may be in another language other than English and Vietnamese provided that they are accompanied by an accurate translation of the relevant passages into the specified language (English), in which case, for purposes of this Framework Agreement and any Coal Sales and Purchase Contract, this translation shall prevail.

Thỏa thuận khung này, và bất kỳ Hợp đồng mua bán than, cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến Thỏa thuận khung này và bất kỳ Hợp đồng mua bán than được trao đổi, ký kết giữa Bên Bán và Bên Mua phải được viết bằng tiếng Anh hoặc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt (trường hợp được viết bằng song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, nếu có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, thì căn cứ vào bản tiếng Anh). Các tài liệu hỗ trợ và tài liệu in là một phần của Thỏa thuận khung và các Hợp đồng mua bán than, có thể được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh và tiếng Việt với điều kiện được đính kèm một bản dịch chính xác các đoạn có liên quan bằng ngôn ngữ được chỉ định

(tiếng Anh), trong trường hợp này, để phục vụ cho Thỏa thuận khung và bất kỳ Hợp đồng mua bán than, bản dịch này sẽ được ưu tiên.

2. For documents that are provided in any language other than English and Vietnamese by the Seller, the Seller shall bear all costs of translation to the governing language and all risks of the accuracy of such translation.

Đối với các tài liệu do Bên Bán cung cấp được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh và tiếng Việt, Bên Bán phải chịu tất cả các chi phí dịch thuật sang ngôn ngữ được chỉ định và các rủi ro về tính chính xác của bản dịch đó.

Article 9. Notification

Điều 9. Thông báo

Any notice given by one Party to the other Party pursuant to this Framework Agreement shall be sent in writing to the address specified as follows:

Bất kỳ thông báo nào được đưa ra bởi một Bên cho Bên kia căn cứ theo Thỏa thuận khung này phải được viết thành văn bản tới địa chỉ cụ thể dưới đây:

To The Purchaser/Tới Bên Mua: _____

Address/Địa chỉ: _____

Phone/Điện thoại: _____

Fax: _____

Email: _____

Representative/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

To The Seller/Tới Bên Bán: _____

Address /Địa chỉ: _____

Phone /Điện thoại: _____

Fax: _____

Email: _____

Representative/Đại diện bởi: _____

Position/Chức vụ: _____

A notice shall be effective when delivered and the other party has received, or on the notice's effective date, whichever is later.

Một thông báo sẽ có hiệu lực khi được gửi và Bên còn lại đã nhận được, hoặc vào ngày có hiệu lực của thông báo, tùy theo ngày nào muộn hơn.

Notices are deemed to be received by the receiving party on (a) the date of the courier's confirmation of delivery completion, if delivered by post; (b) the date of delivery on the minutes of handover if delivered by hand; (c) the date of successful faxing by confirmation of fax system if sent by fax; or (d) the date that email was successfully sent if sent by email.

X

Thông báo được coi là đã nhận bởi Bên nhận vào (a) ngày có xác nhận đã giao người nhận của hãng chuyển phát, nếu chuyển phát qua đường bưu điện; (b) ngày giao nhận trên biên bản giao nhận, nếu giao tận tay; (c) ngày xác nhận của hệ thống fax về việc fax thành công, nếu gửi bằng fax; hoặc (d) ngày theo xác nhận của email về việc gửi email thành công, nếu gửi bằng email.

Article 10. Confidential Information

Điều 10. Thông tin bảo mật

1. The Purchaser and the Seller shall keep confidential and shall not, without the consent in writing from the other, divulge to any third party any documents, data, or other information provided directly or indirectly by either party in connection with the Framework Agreement.

Bên Mua và Bên Bán sẽ giữ bí mật và nếu không có sự đồng ý bằng văn bản từ Bên kia thì không được tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin khác được cung cấp trực tiếp hay gián tiếp bởi một trong hai Bên liên quan tới Thỏa thuận khung.

2. The obligation of a party under Article 10.1. above, shall not apply to information that:

Nghĩa vụ của một Bên theo Điều 10.1 ở trên, sẽ không áp dụng đối với thông tin mà:

- (a) The Purchaser or Seller needs to share with the Bank or other institution(s) participating in the financing of a Coal Sales and Purchase Contract.

Bên Mua hoặc Bên Bán cần phải cung cấp cho Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng tham gia vào hoạt động tài chính của Hợp đồng mua bán than.

- (b) Now, or in the future, enters the public domain through no fault of that party.

Hiện tại, hoặc trong tương lai, sẽ trở nên công khai mà không do lỗi của Bên đó.

- (c) Can be proven to have been possessed by that party at the time of disclosure and was not previously obtained, directly or indirectly, from the other party.

Được chứng minh là đã bị chiếm hữu bởi Bên đó tại thời điểm bị tiết lộ và thông tin ấy trước đó không được lấy trực tiếp hoặc gián tiếp từ Bên còn lại.

- (d) Such information becomes lawfully available to that Party from a third party with no obligation of confidentiality.

Thông tin đó trở nên có sẵn một cách hợp pháp cho Bên đó từ bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật.

Article 11. Applicable Law and Dispute resolution

Điều 11. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

1. This Framework Agreement and any Coal Sales and Purchase Contract shall be applicable and interpreted in accordance with Vietnamese Law.

Thỏa thuận khung này, và bất kỳ Hợp đồng mua bán than nào, sẽ được áp dụng và giải thích theo luật Việt Nam.

2. In the event that a dispute arises out of, or in connection with, the Framework Agreement and/or the Coal Sales and Purchase Contract, the Parties shall use all their efforts to contact and cooperate with each other in good faith to resolve the dispute.

Trong trường hợp tranh chấp phát sinh ngoài, hoặc liên quan đến Thỏa thuận khung và/hoặc Hợp đồng mua bán than, các Bên sẽ bằng mọi nỗ lực của mình để liên hệ và hợp tác với nhau nhằm giải quyết tranh chấp một cách thiện chí.

3. If any dispute is not resolved through negotiation or conciliation within 60 (sixty) days from the date on which the dispute arises, either Party shall have the right to send notice of commencement of dispute resolution by arbitration to the other Party prior to the commencement of arbitration proceedings in this Article. The resolution of disputes is through arbitration at the Vietnam International Arbitration Centre at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry ("VIAC") in accordance with arbitration rules ("VIAC Rules") and under Vietnamese law. The language of arbitration is English and Vietnamese. The place of arbitration is Hanoi. The award rendered by the arbitrators shall be final and binding on the Parties concerned.

Mọi tranh chấp nếu không được giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, thì bất kỳ Bên nào cũng có quyền gửi thông báo bắt đầu tranh chấp bằng trọng tài cho Bên còn lại trước khi bắt đầu thủ tục trọng tài tại Điều này. Việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam ("VIAC") theo quy tắc trọng tài ("Quy tắc VIAC") và theo luật Việt Nam. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Anh và tiếng Việt. Địa điểm trọng tài là thành phố Hà Nội. Phán quyết do các trọng tài đưa ra sẽ là cuối cùng và ràng buộc các Bên liên quan.

Article 12. Change to the Framework Agreement

Điều 12. Thay đổi Thỏa thuận khung

1. Any change to this Framework Agreement, including an extension of the duration of Framework Agreement, must be in writing and signed by both Parties. A change can be made at any time after this Framework Agreement has been signed by both Parties, and before it expires.

Mọi thay đổi đối với Thỏa thuận khung này, bao gồm gia hạn Thời hạn Thỏa thuận khung, phải được lập thành văn bản và ký bởi cả hai Bên. Một thay đổi có thể được thực hiện vào bất kỳ thời gian nào sau khi Thỏa thuận khung được ký bởi hai Bên và trước khi Thỏa thuận khung hết hạn.

2. During the contract execution, depending on the specific bidding package, if the Purchaser needs to modify/supplement necessary contents for the signed Framework Agreement, the content shall be stated in the Bidding Documents for the Bidders to consider participating.

Trong quá trình thực hiện, tùy vào từng gói thầu cụ thể, nếu Bên Mua cần điều chỉnh/bổ sung các nội dung cần thiết so với Thỏa thuận khung đã ký kết, nội dung sẽ được nêu trong HSMT để Nhà thầu xem xét tham gia.

Article 13. Termination of the Framework Agreement

Điều 13. Chấm dứt Thỏa thuận khung

1. The Purchaser, without prejudice to any other remedy for breach of the Framework Agreement, may terminate this Framework Agreement immediately, by notice in writing to the Seller, if:

Bên Mua, nếu không ảnh hưởng đến bất kỳ biện pháp khắc phục vi phạm Thỏa thuận khung nào khác, có thể chấm dứt Thỏa thuận khung này ngay lập tức, bằng cách thông báo bằng văn bản đến Bên Bán, nếu:

(a) During the duration of the Framework Agreement, the Seller ceases to be qualified or eligible as per Article 4; or

Trong thời hạn của Thỏa thuận khung, Bên Bán không có đủ năng lực hoặc tư cách theo Điều 4; hoặc

(b) The Seller intends to assign, or otherwise transfer or dispose of this Framework Agreement, in whole, or in part, without the prior written consent of the Purchaser, or

Bên Bán có ý định chuyển nhượng, hoặc chuyển giao hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần Thỏa thuận khung mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Mua, hoặc

(c) The Seller becomes bankrupt or otherwise insolvent, or

Bên Bán bị phá sản hoặc mất khả năng thanh toán; hoặc

(d) The Seller is in the list of the Bidders that are not allowed to participate in the supplier selection process of Vietnam National Coal and Mineral Industries Holding Corporation Limited, of the Purchaser and its subsidiaries; or

Bên Bán có tên trong danh sách các nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, của Bên Mua và các đơn vị trực thuộc của Bên Mua; hoặc

(e) The Seller/member of the Seller (as a single bidder/Consortium member) fails to meet the requirements on quality, delivery and/or seriously violates the provisions of the Coal Sales and Purchase Contract; or

Bên Bán/thành viên của Bên Bán (với vai trò là nhà thầu độc lập/thành viên liên danh) không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, giao hàng và/hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của Hợp đồng mua bán than; hoặc

(f) Other cases at the discretion of the Purchaser.

Các trường hợp khác theo quyết định của Bên Mua.

2. The Purchaser may terminate this Framework Agreement, in whole or in part, by notice in writing sent to the Seller, at any time. The notice of termination shall state the scope of termination of Seller's performance under the Framework Agreement and the date on which such termination becomes effective.

Bên Mua có thể chấm dứt toàn bộ hay một phần của Thỏa thuận khung này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên Bán bất cứ lúc nào. Thông báo chấm dứt phải nêu rõ phạm vi chấm dứt việc thực hiện của Bên Bán theo Thỏa thuận khung và ngày mà việc chấm dứt đó có hiệu lực.

Article 14. Consequence of expiration or termination

Điều 14. Kết quả của việc hết hạn hoặc chấm dứt

Right after the expiration of Framework Agreement, all bidding packages for which the Bidding Documents has been issued under this Framework Agreement shall continue to be performed and the Contract of those bidding packages can be awarded afterwards (except in case the bidding package is cancelled according to the Purchaser's decision); all Coal Sales and Purchase Contracts signed under this Framework Agreement shall continue in full force and effect unless specifically terminated under the terms of the Coal Sales and Purchase Contract. However, no Bidding Documents of any bidding packages shall be issued once the Framework Agreement expires.

Ngay sau khi hết hạn hiệu lực của Thỏa thuận khung, tất cả các gói thầu đã phát hành HSMT theo Thỏa thuận khung này sẽ tiếp tục được triển khai và Hợp đồng của gói thầu có thể được trao sau đó (trừ trường hợp gói thầu bị hủy theo quyết định của Bên Mua); tất cả các Hợp đồng mua bán than ký kết theo Thỏa thuận khung này sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ khi bị chấm dứt theo quy định của Hợp đồng mua bán than. Tuy nhiên, sẽ không có HSMT của gói thầu nào được phát hành kể từ khi Thỏa thuận khung hết hạn.

In case Framework Agreement is early terminated, all Coal Sales and Purchase Contracts signed under this Framework Agreement shall continue in full force and effect unless specifically terminated under the terms of the Coal Sales and Purchase Contract. However, Seller shall not be allowed to participate in the bidding packages for which the Bidding Documents has been issued by Purchaser before the early termination time of Framework Agreement, no Bidding Documents of any bidding packages shall be issued to Seller, and no Coal Sales and Purchase Contract shall be awarded once Framework Agreement is terminated early.

Trường hợp chấm dứt sớm Thỏa thuận khung, tất cả các Hợp đồng mua bán than ký kết theo Thỏa thuận khung này sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ khi bị chấm dứt theo quy định của Hợp đồng mua bán than. Tuy nhiên, Bên Bán sẽ không được tiếp tục tham dự các gói thầu mà Bên Mua đã phát hành HSMT trước thời điểm chấm dứt sớm Thỏa thuận khung; sẽ không có HSMT của gói thầu nào được phát hành cho Bên Bán và sẽ không có Hợp đồng mua bán than nào khác được trao kể từ khi Thỏa thuận khung bị chấm dứt sớm.

Article 15. Enforcement

Điều 15. Điều khoản thi hành

Signing via fax or email (scanned copy) is acceptable. However, the originals need to be fully wet signed afterwards.

Việc ký kết qua máy fax hoặc email (bản scan) được chấp nhận. Tuy nhiên bản gốc cần được ký tươi đầy đủ sau đó.

This Framework Agreement is signed on and executed in six (06) originals which have equal legal value, the Purchaser shall keep three (03) originals and the Seller shall keep three (03) originals.

Thỏa thuận khung này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 (ba) bản.

In case of discrepancies between the English and Vietnamese versions, the English version shall prevail.

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, thì bản tiếng Anh sẽ được thừa nhận.

SELLER REPRESENTATIVE

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

PURCHASER REPRESENTATIVE

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

